TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7 - 2023
V/v ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị D và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST–HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 8, xã HC, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 8, xã HC, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn Q ngày 02/12/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HC, huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với mẹ chồng tại xóm 8, xã HC, huyện H. Đến tháng 09/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, anh Q hay uống rượu say chửi mắng chị. Từ tháng 01/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân,

chị ra ngoài thuê nhà ở ở. Nay chị nhận thấy tình cảm với anh Q không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 15/10/2012 và Hoàng Bích N, sinh ngày 13/02/2020. Hiện tại cháu H đang ở với anh Q, còn cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi cháu N, để anh Q trực tiếp nuôi cháu H; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng không có nghĩa vụ trả nợ cho ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh Q đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội D: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Hoàng Văn Q; giao con chung là Hoàng Bích N, sinh ngày 13/02/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 15/10/2012 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nguyên đơn chị Phạm Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Hoàng Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2011 tại UBND xã HC, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với mẹ chồng tại xóm 8, xã HC, huyện H. Trong quá trình chung sống do vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung nên đến năm 2020 đã xảy ra mâu thuẫn. Gia đình có tác động hoà giải nhưng không hoà thuận được, từ tháng 01/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh Q đã trầm trọng, sau khi thụ lý vụ án Toà

án đã tổ chức hòa giải mặc dù vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương nhưng anh Q không đến tham gia hòa giải; không quan tâm tìm giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Căn cứ lời khai của chị Phạm Thị D và các tài liệu được thu thập trong hồ sơ thì vợ chồng chị D, anh Q có 02 con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 15/10/2012 và Hoàng Bích N, sinh ngày 13/02/2020. Cháu H đang ở với anh Q, còn cháu N đang ở với chị D. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N, nhường anh Q trực tiếp nuôi cháu H và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh Q đều có công việc và thu nhập ổn định, đều làm việc tại địa phương có thời gian chăm sóc con hàng ngày; cháu H đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng muốn ở với bố. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, căn cứ điều kiện hoàn cảnh của các bên đương sự cần giao cho chị D và anh Q mỗi người trực tiếp nuôi một con đang ở với các đương sự và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị Phạm Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn. Anh Hoàng Văn Q không đến tham gia tố tụng, không có văn bản ý kiến gửi cho Toà án nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Hoàng Văn Q.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao con chung là Hoàng Bích N, sinh ngày 13/02/2020 cho chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. (Cháu N đang ở với chị D).

Giao con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 15/10/2012 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. (Cháu H đang ở với anh Q).

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006672 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Phạm Thị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã HC;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng:

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên